

DANH SÁCH ĐIỂM MÔN GDQP-AN

Học Kỳ 1 - Năm Học 22-23

Môn học/Nhóm **Giáo dục quốc phòng và an ninh - 25 tuần 13**
CBGD **Nguyễn Thành Quân**

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	LT1	LT2	ĐL	BS	RL	ĐIỂM QT	THI KTHP	ĐIỂM MÔN HỌC	GHI CHÚ
1	2122120406	Nguyễn Phạm Xuân An	22/05/2004	CCQ2212L	7.0	7.0	6.5	9.0	7.5	7.6	8.2	8.0	
2	2122120382	Trần Như Ngọc Anh	09/02/2003	CCQ2212L	7.0	7.5	6.5	7.0	7.5	7.1	7.0	7.1	
3	2122120360	Nguyễn Tiến Bảo	27/04/2004	CCQ2212K	6.5	6.5	7.0	8.7	7.5	7.5	6.8	7.1	
4	2122120397	Đặng Thanh Bình	21/06/2003	CCQ2212L	7.0	6.5	7.0	8.3	7.5	7.4	6.2	6.7	
5	2122120383	Trần Thị Y Bình	17/06/2002	CCQ2212L	7.0	7.0	8.0	9.0	7.5	7.9	6.4	7.0	
6	2122120346	Bùi Văn Công	12/02/2000	CCQ2212K						0.0	0.0	0.0	KO HỌC
7	2122120395	Lê Thị Thúy Diễm	01/01/2001	CCQ2212L	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	7.9	6.2	6.9	
8	2122120365	Đỗ Sương Diệu	05/09/2004	CCQ2212K	6.5	7.0	6.5	5.7	7.5	6.6	8.0	7.5	
9	2122120379	Đinh Thị Thùy Dung	19/01/2004	CCQ2212L	6.5	7.0	7.0	8.7	7.5	7.6	8.8	8.3	
10	2122120505	Võ Nguyễn Trúc Duyên	12/12/2004	CCQ2212K	6.5	6.0	7.0	6.0	7.5	6.6	5.4	5.9	
11	2122120359	Đặng Văn Đạt	16/02/2004	CCQ2212K	6.5	7.0	7.0	6.0	9.5	7.4	8.4	8.0	
12	2122120377	Nguyễn Thị Thu Hà	18/08/2004	CCQ2212L	6.5	7.0	6.5	8.7	7.5	7.5	4.8	5.9	
13	2122120369	Nguyễn Huỳnh Mẫn Hân	18/05/2004	CCQ2212K	7.0	7.0	7.0	9.0	7.5	7.7	4.4	5.7	
14	2122040026	Hà Trung Hiếu	27/12/2004	CCQ2212K	7.0	7.0	6.5	5.7	7.5	6.7	6.2	6.4	
15	2122120378	Dương Thị Hồng	11/08/2004	CCQ2212L	7.0	6.5	7.0	5.3	8.0	6.7	5.2	5.8	
16	2122120375	Hà Trần Quốc Huy	02/09/2004	CCQ2212K	6.5	6.0	7.0	7.3	9.0	7.4	4.0	5.4	
17	2122120370	Trịnh Thị Hường	21/01/2004	CCQ2212K	7.0	7.0	6.5	9.7	7.5	7.8	9.6	8.9	
18	2122120387	Lê Hoàng Đăng Khoa	05/11/2004	CCQ2212L	7.0	7.0	7.0	9.3	7.5	7.8	5.2	6.2	
19	2122120381	Trần Minh Lâm	11/10/2004	CCQ2212L	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.4	6.6	6.9	
20	2122120403	Đặng Thị Ngọc Linh	11/02/2004	CCQ2212L	7.0	7.0	7.0	8.3	7.5	7.5	8.4	8.0	
21	2122120507	Ngô Huỳnh Ngọc Linh	12/10/2004	CCQ2212L						0.0	0.0	0.0	KO HỌC
22	2122120504	Nguyễn Ngọc Thủy Linh	27/09/2004	CCQ2212K	7.0	6.5	7.0	9.3	7.5	7.7	8.0	7.9	
23	2122120342	Lê Thị Hương Loan	27/08/2004	CCQ2212K	7.5	7.0	8.0	8.3	9.5	8.3	8.6	8.5	
24	2122120374	Phạm Bùi Trúc Ly	10/06/2004	CCQ2212K	7.0	7.0	6.5	9.3	7.5	7.7	5.8	6.6	
25	2122120405	Nguyễn Hoài Mộng	27/04/2004	CCQ2212L	8.0	8.0	6.0	9.0	9.5	8.4	6.2	7.1	

26	2122120347	Phạm Thị Mơ	03/10/2004	CCQ2212K	7.0	7.0	7.0	8.7	7.5	7.6	8.8	8.3	
27	2122120407	Huỳnh Thị Diễm My	02/01/2004	CCQ2212L	7.5	6.0	7.0	5.0	8.5	6.8	4.0	5.1	
28	2122120348	Lê Thị Thu Ngân	30/09/2004	CCQ2212K	7.5	7.0	7.0	8.0	7.5	7.5	7.2	7.3	
29	2122120411	Nguyễn Thị Thanh Ngân	12/08/2003	CCQ2212L						0.0	0.0	0.0	KO HỌC
30	2122120362	Võ Thị Thu Ngân	07/03/2004	CCQ2212K						0.0	0.0	0.0	KO HỌC
31	2122120357	Dur Thị Hoàng Ngọc	06/03/2004	CCQ2212K	6.5	7.0	6.0	8.3	7.5	7.3	6.6	6.9	
32	2122120354	Đỗ Mai Ngọc	16/09/2004	CCQ2212K	6.0	7.0	6.5	8.7	7.5	7.4	7.4	7.4	
33	2122120361	Nguyễn Thị Như Ngọc	26/01/2004	CCQ2212K	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.1	8.6	8.0	
34	2122120506	Phạm Văn Hoàng Ngọc	23/08/2003	CCQ2212L						0.0	0.0	0.0	KO HỌC
35	2122120399	Bùi Thị Mỹ Nhi	18/03/2004	CCQ2212L	7.0	7.0	6.0	7.3	8.5	7.4	7.0	7.1	
36	2122120404	Đào Nguyễn Yến Nhi	13/11/2004	CCQ2212L	7.0	6.5	7.0	5.3	7.5	6.6	7.0	6.8	
37	2120210051	Ngô Thị Yến Nhi	21/01/2002	CCQ2021B	6.5	7.0	7.0	6.0	7.5	6.8	5.6	6.1	
38	2122190100	Đỗ Thị Hồng Nhung	23/03/2004	CCQ2212K						0.0	0.0	0.0	KO HỌC
39	2122120353	Đoàn Thị Hàn Ni	19/01/2004	CCQ2212K	6.5	7.0	7.0	9.0	8.0	7.8	8.4	8.2	
40	2122120349	Trần Hoàng Phi	07/09/2003	CCQ2212K	7.0	7.5	8.5	9.3	10.0	8.8	6.6	7.5	
41	2122120380	Nguyễn Thị Thu Phương	21/09/2003	CCQ2212L	7.5	7.0	7.5	9.0	7.5	7.9	8.0	7.9	
42	2122120398	Trần Thị Tú Quyên	29/08/2004	CCQ2212L	7.5	7.0	7.0	5.0	8.0	6.8	4.8	5.6	
43	2122120388	Nguyễn Thị Thanh Quyền	05/09/2004	CCQ2212L	6.5	7.0	7.5	8.3	7.5	7.5	9.4	8.6	
44	2122120396	Trương Văn Sum	17/12/2004	CCQ2212L	7.5	7.5	8.0	9.0	9.5	8.6	5.0	6.4	
45	2122120350	Nguyễn Ngọc Tâm	19/02/2004	CCQ2212K	7.0	7.0	6.5	8.7	7.5	7.6	4.4	5.7	
46	2122120392	Đặng Thị Thảo	02/11/2004	CCQ2212L	8.0	7.0	8.0	9.3	9.5	8.7	4.4	6.1	
47	2122120364	Hồ Ngọc Thắng	23/07/2004	CCQ2212K	6.5	7.0	7.0	8.0	9.0	7.8	8.2	8.0	
48	2122120356	Nguyễn Thị Phương Thi	13/06/2001	CCQ2212K						0.0	0.0	0.0	KO HỌC
49	2122120371	Đỗ Nguyễn Ngọc Thiện	08/07/2004	CCQ2212K	7.0	6.5	7.0	5.0	7.5	6.5	7.6	7.2	
50	2122120384	Phạm Anh Thơ	24/11/2004	CCQ2212L	6.5	7.0	7.0	7.3	7.5	7.2	5.4	6.1	
51	2122120410	Lê Thị Thúy	16/03/2004	CCQ2212L	7.0	7.0	7.0	9.3	7.5	7.8	5.8	6.6	
52	2122120355	Đào Thị Linh Thư	12/12/2004	CCQ2212K	7.0	7.0	7.0	5.0	7.5	6.6	7.4	7.1	
53	2122120376	Lê Nguyễn Anh Thư	24/03/2004	CCQ2212K	7.0	7.0	6.5	9.7	7.5	7.8	7.8	7.8	
54	2122120400	Nguyễn Thị Anh Thư	05/12/2004	CCQ2212L	7.0	6.5	7.0	9.0	9.5	8.2	5.8	6.8	
55	2122120408	Phạm Minh Thư	12/05/2004	CCQ2212L	7.0	7.0	7.0	7.3	7.5	7.2	8.2	7.8	
56	2122120367	Hoàng Thị Thương	02/02/2004	CCQ2212K	7.0	7.0	7.0	7.7	7.5	7.3	7.8	7.6	
57	2122120394	Võ Thị Huỳnh Thương	27/10/2004	CCQ2212L	7.5	7.0	7.0	5.7	7.5	6.8	6.2	6.5	
58	2122120409	Nguyễn Thị Bảo Thy	20/01/2004	CCQ2212L	7.0	6.0	7.5	8.3	8.0	7.6	6.4	6.9	
59	2122120390	Nguyễn Hiền Trang	15/10/2004	CCQ2212L	7.0	6.5	7.0	6.0	8.5	7.1	6.6	6.8	
60	2122120385	Mang Thị Huyền Trâm	30/01/2004	CCQ2212L						0.0	0.0	0.0	KO HỌC
61	2122120402	Nguyễn Ngọc Triệu	29/04/2004	CCQ2212L	7.0	6.5	7.0	8.3	8.0	7.6	6.4	6.9	

62	2122120386	Võ Thị Tú	Trình	13/01/2004	CCQ2212L	8.0	8.0	7.0	8.0	9.0	8.1	8.6	8.4	
63	2122120389	Cao Thị Mỹ	Tuyền	08/09/2004	CCQ2212L	6.5	6.5	7.0	6.0	7.5	6.7	8.6	7.8	
64	2122120363	Hồ Bùi Tổ	Uyên	28/08/2003	CCQ2212K	7.5	7.5	8.0	9.3	7.5	8.1	5.4	6.5	
65	2122120351	Nguyễn Nữ Thu	Uyên	24/02/2004	CCQ2212K	7.0	7.0	6.0	6.0	7.5	6.7	8.8	8.0	
66	2122120344	Trần Thị Ngọc	Viên	13/02/2003	CCQ2212K	7.0	7.0	8.0	9.0	9.5	8.4	8.6	8.5	
67	2122120368	Trương Huỳnh Ái	Vy	14/07/2004	CCQ2212K	6.5	7.0	6.5	9.0	8.0	7.7	6.6	7.0	
68	2122120393	Nguyễn Kim	Yên	17/02/2004	CCQ2212L	7.0	6.5	7.5	7.7	7.5	7.3	8.6	8.1	
69	2122120345	Nguyễn Quỳnh	Yên	18/05/2004	CCQ2212K	7.0	6.0	7.0	5.7	7.5	6.6	6.4	6.5	